

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 178/2013/TT-BTC

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2013

THÔNG TƯ**Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều
của Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013
của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác
tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 10/2013/NĐ-CP), gồm:

1. Tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là tài sản hạ tầng đường bộ) quy định tại Điều 19 Nghị định số 10/2013/NĐ-CP.

2. Giao việc bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ cho nhà thầu thi công xây dựng và thanh quyết toán kinh phí bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ quy định tại Điều 23, 24 và Điều 25 Nghị định số 10/2013/NĐ-CP.

3. Báo cáo tài sản hạ tầng đường bộ quy định tại Điều 31, 32 và Điều 33 Nghị định số 10/2013/NĐ-CP.

4. Xác lập sở hữu nhà nước, điều chuyển, thanh lý, bán quyền thu phí, cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn tài sản hạ tầng đường bộ và hạch toán các khoản thu chi từ quỹ đất để tạo vốn phát triển đường bộ quy định tại Điều 28, 29, 30, 41, 42, 43, 47 và Điều 48 Nghị định số 10/2013/NĐ-CP.

5. Quản lý, sử dụng và khai thác tài sản hạ tầng đường bộ chuyên dùng và tài sản hạ tầng đường bộ trong thời hạn thực hiện Hợp đồng dự án quy định tại Điều 35, 36, 37, 38, 39 và Điều 40 Nghị định số 10/2013/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản hạ tầng đường bộ; gồm: Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi tắt là Bộ, cơ quan trung ương); Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

2. Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ; gồm: Khu quản lý đường bộ; Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã); cơ quan, đơn vị được Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ.

3. Tổ chức, cá nhân được giao bảo trì, khai thác và sử dụng tài sản hạ tầng đường bộ theo Hợp đồng ký với cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ.

4. Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản hạ tầng đường bộ.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1 TÍNH HAO MÒN TÀI SẢN HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 3. Cơ quan, đơn vị thực hiện hạch toán tài sản hạ tầng đường bộ

1. Khu quản lý đường bộ hoặc cơ quan, đơn vị được Bộ, cơ quan trung ương giao trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ chịu trách nhiệm thực hiện hạch toán tài sản hạ tầng đường bộ thuộc Trung ương quản lý (bao gồm cả tài sản hạ tầng đường bộ do Bộ Giao thông vận tải ủy thác cho các địa phương quản lý).

2. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện hạch toán tài sản hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi tỉnh quản lý (bao gồm cả tài sản hạ tầng đường bộ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho các cơ quan, đơn vị khác quản lý).

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện hạch toán tài sản hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi huyện quản lý.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm thực hiện hạch toán tài sản hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi xã quản lý.

Điều 4. Tính hao mòn tài sản hạ tầng đường bộ

1. Nguyên tắc tính hao mòn tài sản hạ tầng đường bộ

a) Tất cả các tài sản hạ tầng đường bộ hiện có của cơ quan, đơn vị đều phải tính hao mòn, trừ những tài sản hạ tầng đường bộ sau đây:

- Tài sản hạ tầng đường bộ mà cơ quan, đơn vị đang thuê sử dụng;
- Tài sản hạ tầng đường bộ mà cơ quan, đơn vị đang bảo quản hộ, giữ hộ;
- Tài sản hạ tầng đường bộ đã tính hết hao mòn nhưng vẫn còn sử dụng được;
- Tài sản hạ tầng đường bộ chưa tính hết hao mòn nhưng đã hư hỏng không tiếp tục sử dụng được.

b) Việc tính hao mòn thực hiện mỗi năm 1 lần vào tháng 12, trước khi khóa sổ kế toán. Trường hợp bàn giao, chia tách, sáp nhập, giải thể hoặc tổng kiểm kê đánh giá lại theo chủ trương của Nhà nước thì hao mòn tài sản được tính tại thời điểm có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Quy định về thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản hạ tầng đường bộ áp dụng để hạch toán

a) Thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản hạ tầng đường bộ

Danh mục	Thời gian sử dụng (năm)	Tỷ lệ hao mòn (%/năm)
Đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (bao gồm cả cầu đường bộ dài dưới 25m, cống)	30	3
Cầu đường bộ dài từ 25m trở lên và các công trình phụ trợ gắn liền với cầu đường bộ	30	3
Hầm đường bộ và các công trình phụ trợ gắn liền với hầm đường bộ	30	3
Bến phà đường bộ và các công trình phụ trợ gắn liền với bến phà đường bộ	20	5

Danh mục	Thời gian sử dụng (năm)	Tỷ lệ hao mòn (%/năm)
Trạm kiểm tra tải trọng xe	15	6,5
Trạm thu phí đường bộ	15	6,5
Bến xe	25	4
Bãi đỗ xe	25	4
Nhà hạt quản lý đường bộ	25	4
Trạm dừng nghỉ	25	4
Các công trình khác phục vụ giao thông đường bộ	10	10

b) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn để hạch toán đối với tài sản hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý, ngoài những tài sản hạ tầng đường bộ quy định tại Điểm a Khoản này.

3. Phương pháp tính hao mòn tài sản hạ tầng đường bộ

a) Mức hao mòn hàng năm của từng tài sản hạ tầng đường bộ được tính theo công thức:

$$\text{Mức hao mòn hàng năm của từng tài sản hạ tầng đường bộ} = \frac{\text{Nguyên giá của tài sản hạ tầng đường bộ}}{\text{Thời gian sử dụng}} \times \text{Tỷ lệ hao mòn (\%/năm)}$$

Hàng năm, trên cơ sở xác định số hao mòn tăng và số hao mòn giảm phát sinh trong năm, cơ quan, đơn vị tính tổng số hao mòn của tất cả tài sản hạ tầng đường bộ tại cơ quan, đơn vị cho năm đó theo công thức:

$$\begin{aligned} \text{Số hao mòn tài sản hạ tầng đường bộ tính đến năm (n)} &= \text{Số hao mòn tài sản hạ tầng đường bộ đã tính đến năm (n-1)} + \text{Số hao mòn tài sản hạ tầng đường bộ tăng trong năm (n)} - \text{Số hao mòn tài sản hạ tầng đường bộ giảm trong năm (n)} \end{aligned}$$

b) Trường hợp thời gian sử dụng, nguyên giá của tài sản hạ tầng đường bộ thay đổi quy định tại Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 10/2013/NĐ-CP thì cơ quan, đơn vị xác định lại mức tính hao mòn trung bình năm của tài sản hạ tầng đường bộ bằng cách lấy giá trị còn lại trên sổ kế toán chia (:) cho thời gian sử dụng xác định lại hoặc thời gian sử dụng còn lại (được xác định là chênh lệch giữa thời gian sử dụng đã quy định trừ thời gian đã sử dụng) của tài sản hạ tầng đường bộ;

c) Mức tính hao mòn cho năm cuối cùng thuộc thời gian sử dụng tài sản hạ tầng đường bộ được xác định là hiệu số giữa nguyên giá tài sản hạ tầng đường bộ và số hao mòn lũy kế đã thực hiện của tài sản hạ tầng đường bộ đó.

Mục 2

BẢO TRÌ TÀI SẢN HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 5. Giao việc bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ cho nhà thầu thi công xây dựng

1. Giao việc bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ cho nhà thầu thi công xây dựng

a) Nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng mới được cấp có thẩm quyền giao thực hiện bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ do nhà thầu thi công nêu đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Có văn bản đề nghị được giao bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ;

- Được chủ đầu tư xác nhận bằng văn bản đã thực hiện đúng Hợp đồng xây dựng và không vi phạm trong quá trình thực hiện Hợp đồng xây dựng;

- Có chức năng kinh doanh phù hợp với việc bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ;

- Đủ năng lực về tài chính và kỹ thuật để thực hiện bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ.

b) Việc giao cho nhà thầu thi công xây dựng bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ thực hiện bằng Hợp đồng kinh tế theo phương thức chất lượng thực hiện.

c) Trình tự, thủ tục giao việc bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ cho nhà thầu thi công xây dựng:

- Trước 90 ngày, kể từ ngày bàn giao tài sản hạ tầng đường bộ đưa vào sử dụng theo Hợp đồng xây dựng đã ký kết, nhà thầu thi công xây dựng lập 03 bộ hồ sơ quy định tại Điểm a Khoản này, kèm theo bản sao các giấy tờ có liên quan: gửi 02 bộ hồ sơ đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với tài sản hạ tầng đường bộ thuộc Trung ương quản lý), Sở Giao thông vận tải (đối với tài sản hạ tầng đường bộ thuộc địa phương quản lý); lưu trữ 01 bộ hồ sơ.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với tài sản hạ tầng đường bộ thuộc trung ương quản lý), Sở Giao thông vận tải (đối với tài sản hạ tầng đường bộ thuộc địa phương quản lý) chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định nhà thầu thi công xây dựng đủ điều kiện thực hiện bảo dưỡng thường xuyên và xác định tổng mức kinh phí phục vụ bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ trong một thời gian nhất định; trình người quyết định đầu tư dự án đầu tư xây dựng mới tài sản hạ tầng đường bộ.